



## NỘI DUNG CHÍNH

### + CÁC QUY ĐỊNH MỚI NHẤT

1. Doanh nghiệp và cá nhân được gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất.
2. Ngân sách hỗ trợ lãi suất vay cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.
3. Quy định mới về quản lý khu công nghiệp.

### + BÀI VIẾT

Đối thoại tại nơi làm việc và quy chế dân chủ.

### + ĐỌC BÁO GIÚP BẠN

1. Doanh nghiệp bảo hiểm không được đầu tư kinh doanh bất động sản.
2. Chấm điểm các doanh nghiệp FDI để quyết định ưu đãi.

### + GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC

1. Xác định thu nhập miễn thuế thu nhập cá nhân đối với phần tiền lương làm thêm giờ.
2. Chính sách thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ cho thuê kho, bãi và tiền thuê đất được giảm.
3. Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP.
4. Hướng dẫn xử lý hóa đơn sai sót.

### + DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

## 1. Doanh nghiệp và cá nhân được gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất

Ngày 28/5/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 34/2022/NĐ-CP (“**Nghị định 34/2022**”) về việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế thu nhập cá nhân (TNCN) và tiền thuê đất trong năm 2022. Nghị định 34/2022 sẽ có hiệu từ ngày 28/5/2022 đến hết ngày 31/12/2022.

### 1.1 Đối tượng được gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất

Theo Điều 3 của Nghị định 34/2022, 5 nhóm đối tượng được gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất bao gồm:

(1) Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động sản xuất trong các ngành kinh tế sau:

- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
- Sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt; sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất kim loại; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.
- Xây dựng.
- Hoạt động xuất bản; hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc.

- Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên (không gia hạn đối với thuế TNDN của dầu thô, condensate, khí thiên nhiên thu theo hiệp định, hợp đồng).

- Sản xuất đồ uống; in, sao chép bản ghi các loại; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); sản xuất mô tô, xe máy; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị.

- Thoát nước và xử lý nước thải.

(2) Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động kinh doanh trong các ngành kinh tế sau:

- Vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; hoạt động kinh doanh bất động sản.
- Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác; hoạt động thể thao,

vui chơi giải trí; hoạt động chiếu phim.

- Hoạt động phát thanh, truyền hình; lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính; hoạt động dịch vụ thông tin.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng.

(3) Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; sản phẩm cơ khí trọng điểm.

(4) Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

(5) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện các giải pháp hỗ trợ khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

## 1.2 Gia hạn thời hạn nộp thuế

### a. Doanh nghiệp được gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng tối đa 6 tháng

Theo khoản 1 Điều 4 của Nghị định 34/2022, doanh nghiệp, tổ chức được gia hạn thời hạn nộp thuế (*trừ thuế GTGT khâu nhập khẩu*) đối với số thuế GTGT phát sinh phải nộp (bao gồm cả số thuế phân bổ cho các địa phương cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính, số thuế nộp theo từng lần phát sinh) của kỳ tính thuế từ tháng 3 đến tháng 8/2022 (đối với trường hợp kê khai thuế GTGT theo tháng) và kỳ tính thuế quý I, quý II

năm 2022 (đối với trường hợp kê khai thuế GTGT theo quý).

Thời gian gia hạn cụ thể như sau:

- 06 tháng đối với số thuế từ tháng 3/2022 đến tháng 5/2022 và quý I năm 2022.
- 05 tháng đối với số thuế của tháng 6/2022 và quý II năm 2022.
- 04 tháng đối với số thuế của tháng 7/2022.
- 03 tháng đối với số thuế của tháng 8/2022.

Thời gian gia hạn được tính từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế GTGT theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Các doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được gia hạn thực hiện kê khai, nộp Tờ khai thuế GTGT tháng, quý theo quy định, nhưng chưa phải nộp số thuế GTGT phải nộp phát sinh trên Tờ khai thuế GTGT đã kê khai. Thời hạn nộp thuế GTGT của tháng, quý được gia hạn như sau:

Kỳ tính thuế	Thời hạn nộp thuế
Tháng 3	Chậm nhất là ngày 20/10/2022.
Tháng 4	Chậm nhất là ngày 20/11/2022.
Tháng 5, 6, 7, 8	Chậm nhất là ngày 20/12/2022.
Quý I	Chậm nhất là ngày 30/10/2022.
Quý II	Chậm nhất là ngày 31/12/2022.

**b. Doanh nghiệp được gia hạn thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của quý I, quý II năm 2022**

Theo khoản 2 Điều 4 của Nghị định 34/2022, doanh nghiệp, tổ chức được gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế TNDN tạm nộp của quý I, quý II kỳ tính thuế TNDN năm 2022. Thời gian gia hạn là 03 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế TNDN.

**c. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được gia hạn nộp tiền thuế đến ngày 30/12/2022**

Theo khoản 3 Điều 4 của Nghị định 34/2022, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các ngành kinh tế, lĩnh vực thuộc đối tượng (1), (2) và (3) nêu trên được gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, TNCN đối với số tiền thuế phải nộp phát sinh năm 2022 chậm nhất là ngày 30/12/2022.

**1.3 Gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất**

**a. Doanh nghiệp được gia hạn nộp 50% tiền thuê đất**

Khoản 4 Điều 4 của Nghị định 34/2022 quy định gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất đối với 50% số tiền thuê đất phát sinh phải nộp năm 2022 của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Thời gian gia hạn là 06 tháng kể từ ngày 31/5/2022 đến 30/11/2022.

Quy định này áp dụng cho cả trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân có nhiều Quyết định, Hợp đồng thuê đất trực tiếp của nhà nước và có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh khác nhau trong đó có ngành kinh tế, lĩnh vực thuộc đối tượng được gia hạn (trừ nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ)

**b. Thời hạn nộp Giấy gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất**

Điều 5 của Nghị định 34/2022 quy định, người nộp thuế trực tiếp kê khai và gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (Giấy đề nghị gia hạn) lần đầu hoặc thay thế khi phát hiện có sai sót (bằng phương thức điện tử; gửi bản giấy trực tiếp đến cơ quan thuế hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính) cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp một lần cho toàn bộ số thuế, tiền thuê đất phát sinh trong các kỳ tính thuế được gia hạn cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế theo tháng (hoặc theo quý).

Trường hợp Giấy đề nghị gia hạn không nộp cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tháng (hoặc theo quý) thì thời hạn nộp chậm nhất là ngày 30/9/2022, cơ quan quản lý thuế vẫn thực hiện gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất của các kỳ phát sinh được gia hạn trước thời điểm nộp Giấy đề nghị gia hạn. Nếu người nộp thuế gửi Giấy đề nghị gia hạn cho cơ quan thuế sau 30/9/2022 thì không được gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất.

## 2. Ngân sách hỗ trợ lãi suất vay cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

Ngày 20/5/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 31/2022/NĐ-CP (“**Nghị định 31/2022**”) về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách Nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cho các khoản vay bằng đồng Việt Nam phát sinh từ hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ với các quy định đáng chú ý sau đây:

### 2.1 Các trường hợp doanh nghiệp được hỗ trợ lãi suất

Theo khoản 2 Điều 2 của Nghị định 31/2022, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được hỗ trợ lãi suất khi thuộc 1 trong các trường hợp sau:

- Có mục đích sử dụng vốn vay thuộc một trong các ngành đã được đăng ký kinh doanh quy định tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg, bao gồm: hàng không, vận tải kho bãi, du lịch, dịch vụ lưu trú, ăn uống, giáo dục và đào tạo, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp chế biến, chế tạo, xuất bản phần mềm, Lập trình máy vi tính và hoạt động liên quan, hoạt động dịch vụ thông tin; trong đó có hoạt động xây dựng phục vụ trực tiếp cho các ngành kinh tế nói trên nhưng *không bao gồm hoạt động xây dựng cho mục đích kinh doanh bất động sản.*
- Có mục đích sử dụng vốn vay để thực hiện dự án xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, cải tạo chung cư cũ thuộc danh mục dự án do Bộ Xây dựng tổng hợp, công bố.

### 2.2 Điều kiện để doanh nghiệp được hỗ trợ lãi suất

Theo Điều 4 của Nghị định 31/2022, để được hỗ trợ lãi suất, doanh nghiệp cần đáp ứng các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có đề nghị được hỗ trợ lãi suất, đáp ứng các điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.
- Khoản vay được hỗ trợ lãi suất là khoản vay bằng đồng Việt Nam, được ký kết thỏa thuận cho vay và giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2023.
- Sử dụng vốn đúng mục đích theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định 31/2022 và chưa được hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước theo các chính sách khác.

### 2.3 Mức lãi suất, thời hạn và phương thức hỗ trợ

- *Mức lãi suất hỗ trợ* là 2%/năm, tính trên số dư nợ vay và thời hạn cho vay hỗ trợ lãi suất thực tế nằm trong khoảng thời gian được hỗ trợ lãi suất.
- *Thời hạn được hỗ trợ lãi suất* tính từ ngày giải ngân khoản vay đến thời điểm khách hàng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận phù hợp với nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất được thông báo, nhưng không vượt quá ngày 31/12/2023.

- **Phương thức hỗ trợ lãi suất:** đến thời điểm trả nợ của từng kỳ hạn trả nợ lãi, ngân hàng thương mại thực hiện giảm cho khách hàng số lãi tiền vay phải trả bằng số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất trong kỳ theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

được hỗ trợ lãi suất đối với nghĩa vụ trả nợ lãi tại kỳ hạn trả nợ lãi mà thời điểm trả nợ nằm trong khoảng thời gian có số dư nợ gốc bị quá hạn và/hoặc số dư lãi chậm trả. Khoản vay chỉ được tiếp tục hỗ trợ lãi suất đối với các kỳ hạn trả nợ lãi tiếp theo sau khi khách hàng đã trả hết số dư nợ gốc bị quá hạn và/hoặc số dư lãi chậm trả.

#### 2.4 Những khoản vay không được tiếp tục hỗ trợ lãi suất

Khoản 3 Điều 4 của Nghị định 31/2022 quy định khoản vay không được tiếp tục hỗ trợ lãi suất trong các trường hợp sau:

- Khoản vay có số dư nợ gốc bị quá hạn và/hoặc số dư lãi chậm trả không

- Khoản vay được gia hạn nợ không được hỗ trợ lãi suất đối với thời gian gia hạn nợ.

Nghị định 31/2022 sẽ có hiệu lực từ ngày ký ban hành, tức ngày 20/5/2022.

### 3. Quy định mới về quản lý khu công nghiệp

Ngày 28/5/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 35/2022/NĐ-CP (“**Nghị định 35/2022**”) quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế. Trong đó, đáng chú ý là các quy định mới về quản lý khu công nghiệp như sau:

#### 3.1 Bãi bỏ thủ tục thành lập khu công nghiệp

Theo khoản 6 Điều 6 của Nghị định 35/2022, khu công nghiệp (KCN) được xác định là đã được thành lập kể từ ngày cấp có thẩm quyền:

- Quyết định chủ trương đầu tư dự án hạ tầng KCN sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.
- Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Như vậy, với quy định nêu trên, Nghị định 35/2022 đã bãi bỏ thủ tục thành lập KCN.

#### 3.2 Điều kiện đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

Theo khoản 1 Điều 10 của Nghị định 35/2022, để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN thì nhà đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Điều kiện kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản.
- Điều kiện để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN theo quy định của pháp



luật về đất đai, pháp luật về lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức kinh tế do nhà đầu tư nước ngoài dự kiến thành lập theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp thì tổ chức kinh tế dự kiến thành lập phải có khả năng đáp ứng điều kiện để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

*luật về đầu tư; dự án đầu tư không đủ điều kiện gia hạn cho thuê lại đất theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về dân sự; dự án đầu tư gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc diện buộc phải di dời theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.*

(5) Có hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường.

Việc chuyển đổi KCN sang phát triển khu đô thị - dịch vụ được thực hiện đối với một phần hoặc toàn bộ diện tích KCN.

### 3.3 Điều kiện chuyển đổi khu công nghiệp sang phát triển khu đô thị - dịch vụ

Theo khoản 1 Điều 13 của Nghị định 35/2022, các điều kiện chuyển đổi KCN sang phát triển khu đô thị - dịch vụ bao gồm:

- (1) Phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- (2) KCN nằm trong khu vực nội thành của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và các đô thị loại I trực thuộc tỉnh.
- (3) Thời gian hoạt động kể từ ngày KCN được thành lập đến thời điểm xem xét chuyển đổi tối thiểu là 15 năm hoặc 1/2 thời hạn hoạt động của KCN.
- (4) Có sự đồng thuận của nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN và trên 2/3 số doanh nghiệp trong KCN tại khu vực dự kiến chuyển đổi, *trừ các trường hợp: dự án đầu tư đã hết thời hạn hoạt động theo quy định của pháp*

### 3.4 Người lao động được tạm trú, lưu trú trong khu công nghiệp

Điều 25 Nghị định 35/2022 quy định hoạt động tạm trú, lưu trú của người lao động trong KCN được như sau:

#### ❖ Trường hợp tạm trú, lưu trú trong KCN:

- Trong KCN không có nơi thường trú theo quy định của pháp luật về cư trú.
- Chuyên gia, người lao động được phép tạm trú, lưu trú ở cơ sở lưu trú tại KCN để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, cụ thể:
  - ✓ Đối với chuyên gia, người lao động là người Việt Nam thì thực hiện tạm trú, lưu trú theo quy định của pháp luật về cư trú.
  - ✓ Đối với chuyên gia, người lao động là người nước ngoài thì thực hiện tạm trú theo quy định của pháp luật về nhập cảnh,

xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Cơ sở lưu trú được xây dựng tại phần diện tích đất dịch vụ của KCN; bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan; bảo đảm an ninh, trật tự và không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong KCN.

❖ *Trường hợp lưu trú ở doanh nghiệp tại KCN:*

Trường hợp bất khả kháng do ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai, thảm họa môi trường, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, biểu tình, bạo loạn hoặc các trường hợp khẩn cấp khác, chuyên gia, người lao động được phép lưu trú ở doanh nghiệp, ở lại

doanh nghiệp tại KCN theo quy định sau đây:

- Đối với chuyên gia, người lao động là người Việt Nam được phép lưu trú ở doanh nghiệp tại khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về cư trú.
- Đối với chuyên gia, người lao động là người nước ngoài được phép ở lại doanh nghiệp tại KCN trong thời gian ít hơn 30 ngày và phải thực hiện việc khai báo tạm trú theo quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Nghị định 35/2022 sẽ có hiệu từ ngày 15/7/2022 và thay thế Nghị định 82/2018/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều 74 của Nghị định 35/2022.



GV Lawyers xin giới thiệu bài viết của **Luật sư Đinh Quang Thuận**, Luật sư Thành viên của GV Lawyers và **Luật sư Hoàng Phước** có tiêu đề **“Đối thoại tại nơi làm việc và quy chế dân chủ”** được đăng trên Tạp chí Kinh tế Sài Gòn số 21-2022 (1.641) ngày 26/05/2022.

*“Đối thoại tại nơi làm việc”, theo luật hiện hành, là một thủ tục phải có trong doanh nghiệp nhằm xây dựng mối quan hệ lao động ở nơi làm việc, giúp người lao động và người sử dụng lao động hiểu và tin tưởng nhau. Trên thực tế, không phải doanh nghiệp nào cũng thực thi đúng thủ tục được cho là hữu ích này.*

Sau hai năm chống chọi vất vả với dịch Covid-19 và chứng kiến biểu đồ doanh thu dần dần đi xuống mà chưa có cách nào kìm hãm, một doanh nghiệp lớn tại tỉnh D quyết định tái cơ cấu tổ chức doanh nghiệp với hy vọng khôi phục hiệu quả hoạt động và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

Tới khi doanh nghiệp gửi thông báo đến sở lao động, thương binh và xã hội tại địa phương theo quy định thì được cơ quan chức năng nhắc nhở là phải thực hiện thủ tục “đối thoại tại nơi làm việc” về những vấn đề liên quan. Đến đây, doanh nghiệp tại tỉnh D vẫn chưa hiểu mình đã thiếu sót ở đâu và cần phải làm gì cho tới khi tham vấn ý kiến của một công ty luật.

Vậy “đối thoại tại nơi làm việc” là gì mà cơ quan quản lý lao động địa phương lưu

ý doanh nghiệp phải thực hiện? Và có lẽ không chỉ là doanh nghiệp lớn như D mà chắc hẳn còn nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa khác cũng thường mắc phải thiếu sót này.



**Đối thoại tại nơi làm việc là gì?**

“Đối thoại tại nơi làm việc” là thuật ngữ được quy định lần đầu tiên tại Bộ luật Lao động năm 2012 (BLLĐ 2012). Đây là việc trao đổi trực tiếp giữa người lao động và người sử dụng lao động, hoặc giữa đại diện tập thể người lao động với người sử dụng lao động, nhằm chia sẻ thông tin, tăng cường sự hiểu biết giữa hai phía để xây dựng quan hệ lao động tại nơi làm việc.

BLLĐ 2012 quy định đối thoại tại nơi làm việc được

tiến hành định kỳ ba tháng một lần, hoặc bất kỳ khi nào có bên yêu cầu. Các nội dung được luật quy định có thể đưa vào đối thoại bao gồm tình hình sản xuất, kinh doanh của người sử dụng lao động; việc thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể; nội quy, quy chế và cam kết thỏa thuận khác tại nơi làm việc; điều kiện làm việc; yêu cầu của người lao động, tập thể lao động đối với người sử dụng lao động và ngược lại; các nội dung khác mà hai bên quan tâm.

Đối thoại tại nơi làm việc được tin tưởng là một hoạt động hữu ích, giúp cân bằng lợi ích của hai bên, và giúp tránh được những xung đột phát sinh do căng thẳng. Tuy nhiên, quá trình thực thi BLLĐ 2012 (từ ngày 1-5-2013 cho đến khi hết hiệu lực vào ngày 1-1-2021) không cho thấy nhiều dấu ấn hoặc kết quả đáng kể của hoạt động đối thoại tại nơi làm việc. Có lẽ vì vậy mà một trong những điểm mới quan trọng của BLLĐ 2019 là những thay đổi có liên quan đến các quy định về

hoạt động đối thoại tại nơi làm việc.

### Những thay đổi ở BLLĐ 2019

Trước hết, quy định về đối thoại tại nơi làm việc phải được tổ chức định kỳ ba tháng một lần ở BLLĐ 2012 được cho là quá nhiều, gây tốn kém cho người sử dụng lao động và cũng có thể khiến cho việc đối thoại mang tính hình thức, thiếu thực chất. BLLĐ 2019 đã điều chỉnh số lần đối thoại định kỳ tại nơi làm việc được tổ chức hàng năm ít nhất là một lần.

Ngoài việc duy trì đối thoại tại nơi làm việc định kỳ và theo yêu cầu của một bên, BLLĐ 2019 đã bổ sung quy định mới về việc bắt buộc tổ chức đối thoại tại nơi làm việc đối với các vụ việc bao gồm: xây dựng quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc (Điều 36); cho thôi việc đối với người lao động trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế (Điều 42); xây dựng phương án sử dụng lao động (Điều 44); xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động (Điều 93); quyết định quy chế thưởng (Điều 104); ban hành nội quy lao động (Điều 118); tạm đình chỉ công việc của người lao động (Điều 128).

### Đối thoại không thể tách rời quy chế dân chủ

Ngoài những nội dung đối thoại nêu trên, Nghị định 145/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của BLLĐ về điều kiện lao động và quan hệ lao động, khuyến khích các bên đối thoại về những nội dung khác do các bên đồng ý và được quy định cụ thể trong quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc. Đây được xem là quy định mới và quan trọng, có thể khiến cho ý nghĩa của hoạt động đối thoại tại nơi làm việc thay đổi rõ rệt. Sự thay đổi này có thể khiến người sử dụng lao động phải trải qua nhiều thủ tục hơn (để tổ chức đối thoại tại nơi làm việc) trước khi ban hành quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên mà sau đó công ty sẽ dựa vào để thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nhân viên.

Tương tự, việc xây dựng phương án sử dụng lao động để cho nhân viên thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế), hoặc để ban hành quy chế thưởng cũng sẽ phải trải qua nhiều thủ tục hơn so với trước.

Tuy nhiên, có thể thấy doanh nghiệp sẽ phải chấp nhận thực hiện những quy

định này để đảm bảo tính tuân thủ và tránh các rủi ro pháp lý về sau. Ví dụ, công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nhân viên vì lý do nhân viên thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động, nhưng trước đó công ty không tổ chức đối thoại tại nơi làm việc để trao đổi ý kiến với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở khi xây dựng quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc, thì việc cho người lao động thôi việc có thể bị xem là trái pháp luật.

### Vai trò của quy chế dân chủ khi thực hiện đối thoại tại nơi làm việc

Một vấn đề cũng nên lưu ý là liệu việc tổ chức đối thoại có thể theo cách mà người sử dụng lao động cho là phù hợp, hay phải tuân thủ các quy định của pháp luật?

Theo quy định của Nghị định 145, đối thoại tại nơi làm việc phải được thực hiện phù hợp với quy chế dân chủ do chính người sử dụng lao động chịu trách nhiệm ban hành, trong đó phải có các nội dung chủ yếu sau đây: nguyên tắc đối thoại tại nơi làm việc; số lượng, thành phần tham gia đối thoại của mỗi bên; số lần, thời gian tổ chức đối thoại định kỳ hàng năm; cách thức tổ chức đối thoại định kỳ, đối thoại khi có yêu

cầu của một hoặc các bên, đối thoại khi có vụ việc; trách nhiệm của các bên khi tham gia đối thoại; áp dụng quy định tại Điều 176 của BLLĐ đối với các thành viên đại diện tham gia đối thoại bên người lao động mà không phải là thành viên ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở; những nội dung khác (nếu có).

Cũng theo Nghị định 145, khi xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế dân chủ, người sử dụng lao động phải tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở (nếu có) và nhóm đại diện đối thoại của

người lao động (nếu có). Quy chế dân chủ phải được phổ biến công khai tới người lao động.

Như vậy, quy chế dân chủ là tài liệu quan trọng, xác định cách thức mà theo đó, người sử dụng lao động và người lao động thực hiện đối thoại tại nơi làm việc, trong những trường hợp do pháp luật quy định và theo thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động (nếu có).

Thực hiện đối ngoại tại nơi làm việc mà thiếu vắng hoặc không phù hợp với quy chế dân chủ, rất có thể sẽ dẫn đến những tình huống mà

người sử dụng lao động bị xem là không tuân thủ quy định của pháp luật, và có khi phải chịu những hình thức chế tài nhất định. Do đó, các công ty được khuyến cáo xây dựng và ban hành “Quy chế dân chủ” theo quy định để làm cơ sở cho việc thực hiện đối thoại tại nơi làm việc. Trong quá trình soạn thảo, nội dung quy chế dân chủ cần được xem xét, nghiên cứu kỹ lưỡng để đảm bảo phù hợp với tình hình của doanh nghiệp, tránh trường hợp đưa ra các quy định không phù hợp thực tiễn, khiến công ty và người lao động gặp trở ngại khi áp dụng trong thực tế.

## 1. Doanh nghiệp bảo hiểm không được đầu tư kinh doanh bất động sản

*Quốc hội vừa biểu quyết thông qua Luật kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) với đa số ý kiến tán thành, yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm không được đầu tư kinh doanh bất động sản, trừ một số trường hợp luật định.*

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023 với điểm đáng chú ý là doanh nghiệp bảo hiểm không được đầu tư kinh doanh bất động sản, trừ trường hợp mua cổ phiếu của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán, chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng.

Doanh nghiệp bảo hiểm cũng không được kinh doanh bất động sản trực tiếp, nhưng sẽ được mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho

tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ; cho thuê trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng.

Đồng thời, được nắm giữ bất động sản do xử lý trái phiếu có bảo đảm bằng bất động sản, do đối trừ công nợ phải thu bằng bất động sản trong thời hạn 3 năm.

Luật kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) cũng quy định, doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm khi đầu tư ra nước ngoài phải tách biệt việc đầu tư và không được dùng tiền, tài sản của bên mua bảo hiểm trong nước để bù đắp lỗ, thiếu hụt tiền của hoạt động đầu tư nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*Theo tuoitre.vn*

## 2. Chấm điểm các doanh nghiệp FDI để quyết định ưu đãi

*Để đảm bảo thu hút đầu tư có chất lượng, các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) sẽ được chấm điểm theo từng thang điểm cụ thể, để qua đó được hưởng các ưu đãi khi đầu tư vào Việt Nam.*

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Chính phủ Bộ Tiêu chí đánh giá hiệu quả khu vực FDI với 26 tiêu chí thành phần quan trọng. Bộ Tiêu chí đánh giá doanh nghiệp FDI chủ yếu dựa trên 3 phương diện là tác động xã hội (5 chỉ tiêu), kinh tế (18 chỉ tiêu) và môi trường (3 chỉ tiêu). Trong đó, tác động xã hội bao gồm: tạo việc làm và thu nhập cho người lao động (4 chỉ tiêu); bình đẳng giới (1 chỉ tiêu). Tác động kinh tế xem xét quy mô, đóng góp tăng trưởng của đầu tư nước ngoài (6 chỉ tiêu); hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp (5 chỉ tiêu); nộp ngân sách nhà nước (3 chỉ tiêu); tác động lan tỏa của đầu tư nước ngoài (2 chỉ tiêu); công nghệ (2 chỉ tiêu). Tác động môi trường xem xét 3 chỉ tiêu về sản xuất sạch và bảo vệ môi trường.

Với bộ tiêu chí này, những nhà đầu tư chưa vào Việt Nam, định vào Việt Nam cũng có thể tự so sánh với bảng tiêu chí để biết được đầu tư của mình ở quy mô ra sao, công nghệ nào, tính hiệu quả bao nhiêu (thể hiện bằng việc tăng giá trị gia tăng cho đất nước Việt Nam), tương ứng với những hỗ trợ gì để quyết định đầu tư.

Với các doanh nghiệp FDI đang hoạt động tại Việt Nam, doanh nghiệp có thể tự “cân” điểm số được bằng cách cải thiện những tiêu chí đạt điểm thấp như: tăng vốn, tăng quy mô, tăng đầu tư công nghệ, tăng tự động hóa. Tất cả những điều đó đều có những tiêu chí để tính điểm và nhà đầu tư từ 50 điểm có thể cải thiện lên 70 điểm hoặc 90 điểm hoặc có thể cao hơn nữa trong vòng từ 3 - 5 năm.

*Theo thoibaotaichinhvietnam.vn*



- 1. Xác định thu nhập miễn thuế thu nhập cá nhân đối với phần tiền lương làm thêm giờ**

Trường hợp Công ty chi trả cho người lao động tiền lương làm thêm giờ vào ngày nghỉ lễ, tết theo đúng quy định tại Bộ luật Lao động thì thu nhập từ phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm việc trong giờ theo quy định của Bộ luật Lao động được xác định là thu nhập miễn thuế thu nhập cá nhân theo hướng dẫn tại điểm i, khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

*Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty TNHH Vestas Wind Technology Việt Nam tại Công văn số 21884/CTHN-TTHT ngày 13/5/2022.*

- 2. Chính sách thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ cho thuê kho, bãi và tiền thuê đất được giảm**

Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ cho thuê kho, bãi là dịch vụ cho thuê nhà và quyền sử dụng đất không để ở thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục I ban hành theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP thì không được giảm thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định 15/2022/NĐ-CP.

Trường hợp năm 2022, Công ty nhận được Quyết định giảm tiền thuê đất năm 2021 dẫn đến số tiền thuê đất năm 2021 đã nộp lớn hơn số phải nộp thì Công ty được bù trừ số tiền thuê đất nộp thừa vào lần nộp tiền thuê đất năm 2022 theo quy định tại khoản 2 Điều 60 của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

*Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty Cổ phần Cảng Khuyến Lương tại Công văn số 25532/CTHN-TTHT ngày 03/6/2022.*

- 3. Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP**

Trường hợp Công ty thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định 92/2021/NĐ-CP có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng, đồng thời doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định 92/2021/NĐ-CP thì Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021.

Trường hợp Công ty mới thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách trong kỳ tính thuế năm 2020 và năm 2021 thì không áp dụng tiêu chí doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định 92/2021/NĐ-CP.

*Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty cổ phần Dịch vụ Tài chính U&T tại Công văn số 25017/CTHN-TTHT ngày 01/6/2022.*

- 4. Hướng dẫn xử lý hóa đơn sai sót**

Trường hợp Công ty sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP, lập hóa đơn điện tử (không có mã của cơ quan thuế) đã gửi cho người mua, sau đó phát hiện sai sót (về giá trị hàng hóa, dịch vụ) thì có thể lựa chọn lập hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn đã lập có sai sót hoặc lập hóa đơn điện tử mới thay thế cho hóa đơn điện tử có sai sót theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 9 của Nghị định 123/2020/NĐ-CP.

*Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty cổ phần Vinafco tại Công văn số 25530/CTHN-TTHT ngày 03/6/2022.*

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
<b>CHÍNH PHỦ</b>			
1	Nghị định 36/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội, nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo Nghị quyết 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.	30/05/2022	30/05/2022
2	Nghị định 35/2022/NĐ-CP quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.	28/05/2022	15/07/2022
3	Nghị định 34/2022/NĐ-CP về việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022.	28/05/2022	28/05/2022
4	Nghị định 33/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường.	27/05/2022	15/07/2022
5	Nghị định 32/2022/NĐ-CP về việc gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước.	21/05/2022	21/05/2022
6	Nghị định 31/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách Nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.	20/05/2022	20/05/2022
7	Nghị định 30/2022/NĐ-CP quy định mô hình quản lý khu du lịch quốc gia.	19/05/2022	01/08/2022
<b>BỘ CÔNG THƯƠNG</b>			
1	Thông tư 10/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN.	01/06/2022	16/07/2022
2	Thông tư 09/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 40/2015/TT-BCT quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc.	01/06/2022	01/08/2022
<b>BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ</b>			
1	Thông tư 08/2022/TT-BKHĐT về việc quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	31/05/2022	01/08/2022
2	Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.	10/05/2022	25/06/2022
<b>NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM</b>			
1	Thông tư 03/2022/TT-NHNN về việc hướng dẫn ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách Nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.	20/05/2022	20/05/2022





**GLOBAL VIETNAM  
LAWYERS**

**Liên Hệ Với Chúng Tôi**

**[info@gvlawyers.com.vn](mailto:info@gvlawyers.com.vn)**

**Trụ sở chính – TP. HCM**  
Tầng 8, Tòa nhà Centec  
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai  
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel: +84 (28) 3622 3555

**Chi nhánh Hà Nội**  
Tầng 10A, Tòa nhà CDC  
25 Lê Đại Hành  
Quận Hai Bà Trưng  
Hà Nội, Việt Nam  
Tel: +84 (24) 3208 3555

**Chi nhánh Đà Nẵng**  
Tầng 3, Tòa nhà Indochina  
Riverside, 74 Bạch Đằng  
Quận Hải Châu  
Đà Nẵng, Việt Nam  
Tel: +84 (28) 3622 3555

*Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể chưa đầy đủ hoặc chưa được cập nhật kịp thời tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi, GV Lawyers, tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.*

